TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 30/8/2018
V/v "xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan

Các Thẩm phán: Ông Lương Quang và bà Đặng Thị Thu Hằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:*** Bà Trần Thị Thu Anh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018 về việc: "*Xin ly hôn".* Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST- HNGĐ ngày 11/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST- HNGĐ ngày 31/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1984. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Mộng L, sinh năm: 1972. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: T, xã X, thị xã S, Phú Yên.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai tại phiên toà, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà Phạm Thị H và ông Lê Mộng L tự nguyện tìm hiểu, quen biết không ai ép buộc và đi đến hôn nhân năm 2002. Vợ chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, sau khi sinh con đầu lòng thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông L hay ghen tuông chởi bới, thỉnh thoảng có đánh đập bà H vì ghen, ít quan tâm chăm sóc vợ. Bà H đã chịu đựng

trong thời gian dài, đến nay không chịu đựng được nữa. Vợ chồng sống chung không hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: có 03 người con chung: Lê Quí Đ (Giới tính: Nam), sinh ngày: 14/3/2001; Lê Quí A (Giới tính:Nam) sinh ngày: 24/2/2006; Lê Ngọc N (giới tính: Nữ), sinh ngày: 23/2/2016. Ly hôn bà H yêu cầu giao 03 cháu cho bà H nuôi và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng có một ngôi nhà cấp 4 trên diện tích mẹ đẻ bà H cho chung vợ chồng, một diện tích khác vợ chồng mua lại tại D, X, thị xã S; một xe máy Yamaha hiệu Nouvo đang sử dụng tuy nhiên những tài sản này vợ chồng đã tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa giải quyết. Ngoài ra không còn tài sản chung gì khác.

Về nợ chung: nợ bà Trần Thị C số tiền 7.500.000 đồng, nợ bà Phạm Thị T số tiền 20.000.000 đồng tuy nhiên bà C, bà T không yêu cầu trả nợ nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra còn nợ 50.000.000 đồng Ngân hàng nông nghiệp và PTNT – chi nhánh thị xã S theo lời khai của ông L, bà H cho rằng bà không biết nên không có trách nhiệm trả. Ngoài ra không còn nợ ai khác và không ai nợ vợ chồng.

Theo các văn bản trình bày, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên toà, bị đơn ông Lê Mộng L trình bày:

Bà Phạm Thị H và ông Lê Mộng L tự nguyện tìm hiểu, quen biết không ai ép buộc và đi đến hôn nhân năm 2002. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, đôi lúc có cải vì bà H thường đi chơi với những người bạn không tốt nên ông L tức giận có chởi bới và đánh bà H để răng đê bà H không đi chơi với những người bạn đó nữa. Ông L trình bày vẫn còn thương bà H và muốn vợ chồng hàn gắn để nuôi con. Vì vậy không chấp nhận ly hôn với bà H.

Về con chung: có 03 người con chung: Lê Quí Đ (Giới tính: Nam), sinh ngày: 14/3/2001; Lê Quí A (Giới tính:Nam) sinh ngày: 24/2/2006; Lê Ngọc N (giới tính: Nữ), sinh ngày: 23/2/2016. Nếu tòa xử chấp nhận ly hôn ông L đồng ý giao bà con cho bà H nuôi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi ba con muỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: vợ chồng có một ngôi nhà cấp 4 trên diện tích mẹ đẻ bà H cho chung vợ chồng, một diện tích khác vợ chồng mua lại tại D, X, thị xã S; một xe máy Yamaha hiệu Nouvo đang sử dụng tuy nhiên những tài sản này vợ chồng đã tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa giải quyết. Ngoài ra không còn tài sản chung gì khác.

Về nợ chung: vợ chồng có nhờ cha ruột ông L vay hộ 50.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và PTNT – chi nhánh thị xã S để trang trải nợ nần. Ngoài ra không nợ ai khác và không ai nợ vợ chồng.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2018/HNGĐ-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân thị xã S đã quyết định:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ 2014, Điều 144, 147, 227, 228 Luật TTDS 2015.

Tuyên xử: Bác yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Lê Mộng L.

Về con chung, tài sản chung: không xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quy định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/3/2018, nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06/02/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn thống nhất với nội dung bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Phạm Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

3ang3hi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Phạm Thị H và ông Lê Mộng L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2002 tại UBND xã X, thị xã S. Sau kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc 17 năm và có 03 đứa con chung. Thời gian gần đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bà H chơi với những người bạn không tốt dẫn đến ông L nghen tuông có chửi mắng đánh bà H để 3ang đe bà H không chơi với những người bạn không tốt nữa. Bà H lại cho rằng ông L không quan tâm đến vợ con, thường xuyên ghen tuông vô cớ, đánh đập bà vì vậy cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu xin ly hôn với ông L.

Xét thấy: qua xác minh ở địa phương vợ chồng bà H ông L sống với nhau thường xuyên cải vả, mâu thuẫn và chung sống không hòa thuận. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ và ông L cho rằng vẫn còn tình cảm với bà H nên không

muốn ly hôn với bà H. Do đó, bản án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Phạm Thị H là có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về con chung: không xét.

Về tài sản chung: không xét.

Về nợ chung: không xét.

Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 56, 58, 59, 60, 81 luật Hôn nhân gia đình; Điều 148 bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: không xét.

Về tài sản chung: không xét.

Về nợ chung: không xét.

Về án phí: nguyên đơn Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND thị xã S;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: HSVA.

(đã ký)

Lê Thị Thái Lan